

Số: 748/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 10 tháng 4 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Xét hồ sơ và đề nghị của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Trảng Bàng tại Văn bản số 71/BQL ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 101/BQL ngày 21 tháng 3 năm 2024 Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Trảng Bàng về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường Dự án Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng tại ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1774./TTr-STNMT ngày 27 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Trảng Bàng tại số 106 Duy Tân, khu phố Lộc Thành, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng địa chỉ thực hiện Dự án tại ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng.
- 1.2. Địa điểm thực hiện dự án: ấp Bùng Bình, xã Hưng Thuận, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh
- 1.3. Quyết định số 110/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng

Bàng.

1.4. Mã số thuế: 3900861127

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh dịch vụ.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: .

1.6.1. Quy mô: Dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.6.2. Tổng diện tích: 10,7 ha.

1.6.3. Quy mô công suất: Khu tái định cư trên địa bàn thị xã Trảng Bàng với 402 nền.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Trảng Bàng được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thị xã Trảng Bàng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND thị xã Trảng Bàng;
- Đăng tải trang thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
ngày 01 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

Có 402 nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của người dân trong khu tái định cư (Dự án có 402 nền).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Có (một) 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT (với $K = 1$) xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước khu vực dẫn về sông Sài Gòn.

2.3. Vị trí xả nước thải:

2.3.1. Điểm xả nước thải:

Hồ gas thoát nước thải của Dự án sau đó ra đường ống D300 xả vào nguồn tiếp nhận là hệ thống thoát nước khu vực dẫn về sông Sài Gòn (thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m^2 và có lối đi dễ thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.3.2. Tọa độ:

Tọa độ tại điểm xả nước thải của dự án: $X = 600362$; $Y = 1233142$.

(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°)

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.5. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.6. Chế độ xả nước thải: liên tục khi hệ thống xử lý vận hành

2.7. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt - QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số $K = 1$, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định.
2	BOD ₅	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfure (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
9	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động vệ sinh của người dân trong khu tái định cư với lưu lượng lớn nhất là 250 m³/ngày.đêm được thu gom theo đường ống có kích thước D200 và D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án, công suất xử lý 280 m³/ngày.đêm để xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT hệ số K = 1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Quy trình xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải: Nước thải → bể điều hòa → bể thiếu khí → bể hiếu khí → bể lắng sinh học → bể khử trùng → nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 280 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
1	Bể điều hòa	Kích thước: D x R x C = 5 x 4 x 4m Dung tích bể: 80m ³ Vật liệu: BTCT
2	Bể thiếu khí	Kích thước: D x R x C = 5 x 5 x 4m Dung tích bể: 100m ³ Vật liệu: BTCT
3	Bể hiếu khí	Kích thước: D x R x C = 5 x 5 x 4m Dung tích bể: 100m ³ Vật liệu: BTCT
4	Bể lắng sinh học	Kích thước: D x R x C = 5 x 5 x 4m Dung tích bể: 100m ³ Vật liệu: BTCT
5	Bể khử trùng	Kích thước: D x R x C = 3 x 3 x 3 Dung tích bể: 27m ³ Vật liệu: BTCT

1.3. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng và thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và an toàn hóa chất, tai nạn lao động theo quy định của pháp luật.

- Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh dự án đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

- Thường xuyên theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra.

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ khi Dự án đi vào hoạt động.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung 280 m³/ngày.đêm.

2.3. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) điểm tại bể điều hòa;
- Một (01) điểm tại vị trí tại sau hệ thống xử lý nước thải;

2.4. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Thông số: Lưu lượng nước thải; pH, BOD₅, TSS, TDS, sunfua, amoni, nitrat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

- Giá trị giới hạn: cột A, QCVN 14:2008/BTNMT hệ số K = 1 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

2.5. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm theo đạt cột A QCVN 14:2008/BTNMT hệ số K = 1 trước khi xả thải vào hệ thống thoát nước khu vực.

3.2. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng đầu vào, đầu ra. Thường xuyên kiểm định, hiệu chuẩn đồng hồ theo quy định; có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên và hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom và xử lý nước thải.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...742.../GPMT – UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không phát sinh khí thải cần cấp phép.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1.1. Xây dựng biện pháp quản lý giao thông như: bố trí bãi đậu xe hợp lý, khoa học, lắp đặt các biển báo hạn chế tốc độ, xây gờ giảm tốc, ... trên các tuyến đường giao thông.

1.2. Thiết kế trồng cây xanh, cây xanh trồng là loại cây lá kim, có tán rộng, xanh quanh năm.

1.3. Thường xuyên vệ sinh sân đường giao thông nhằm giảm lượng bụi phát sinh.

1.4. Chủ đầu tư chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...742.../GPMT – UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

Dự án không phát sinh tiếng ồn, độ rung cần cấp phép.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

- 1.1. Áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành.
- 1.2. Quy định tốc độ tối đa các loại xe lưu thông trong khu vực dự án.
- 1.3. Xây dựng nội quy, quy chế sinh hoạt, hoạt động vui chơi giải trí trong khu vực.
- 1.4. Cấm bóp còi xe vào giờ cao điểm trong khuôn viên dự án.
- 1.5. Bố trí cây xanh xung quanh khu vực dự án phù hợp nhằm hấp thụ ánh sáng, giảm ồn, giảm bụi, khí thải và tạo cảnh quan chung cho toàn bộ dự án.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Đặc tính
1	Hộp mực in thải	73	08 02 04	Rắn
2	Pin, ắc quy thải	547,5	16 01 12	Rắn
3	Các thiết bị điện tử thải	474,5	16 01 13	Rắn
4	Giẻ lau dính chất thải nguy hại	182,5	18 02 01	Rắn
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	1.460	16 01 06	Rắn
6	Pin thải	438	19 06 05	Rắn
	Tổng cộng	3.175,5		

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác sinh hoạt	1.448
	Tổng khối lượng	1.448

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Kho được xây tường gạch, mái tôn; nền bê tông chống thấm, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng

cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Chất thải nguy hại phát sinh tại các hộ dân sẽ được người dân thu gom, phân loại tại nguồn và tự lưu giữ tại các thùng chứa rác có nắp đậy theo đúng quy định. Khi số lượng nhiều sẽ nhờ các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

- Chính quyền địa phương có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục ý thức người dân trong công tác phân loại rác tại nguồn. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền, thông qua đó nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân dành cho môi trường và công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng nhựa có nắp đậy dung tích chứa từ 12 – 120 lít.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Chất thải sinh hoạt phát sinh tại dự án sẽ được người dân thu gom, phân loại tại nguồn và tập kết tại các thùng rác của từng hộ dân.

2.3.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại theo quy định.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

- Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT – UBND
 ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

- Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN
 THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO
 ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

- Không có.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

- Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt được xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT trước khi thải ra môi trường. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

- Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.

- Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, sự cố hóa chất đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

- Thực hiện các yêu cầu về phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình triển khai thực hiện Dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

- Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

- Thực hiện đầy đủ quy định khoảng cách vị trí trạm xử lý nước thải tập trung đến các đối tượng xung quanh theo quy định tại Mục 2.11 QCVN 01:2021/BXD về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác có trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan./.